

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: **426** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày **14** tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình:
Trụ sở làm việc Huyện ủy Tuy Đức**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 34/TTr-STC ngày 27 tháng 02 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành:

1. Công trình: Trụ sở làm việc Huyện ủy Tuy Đức.
2. Chủ đầu tư: Huyện ủy Tuy Đức.
3. Đơn vị thi công: Công ty TNHH Xây dựng An Thái.
4. Địa điểm xây dựng: Xã Đắk Búk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.



5. Thời gian thi công:

Gói thầu	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành
Số 01: Xây dựng nhà làm việc Huyện ủy Tuy Đức	09/11/2008	28/5/2010
Số 02: Xây dựng Nhà bảo vệ, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ	19/6/2010	05/01/2011
Số 9: Chống mối	10/6/2010	09/8/2010
Số 10: Giếng khoan	22/6/2010	22/7/2010
Số 3: Cung cấp và lắp đặt thiết bị	01/4/2011	23/6/2011
Hạng mục: Nhà ăn - cải tạo tầng hầm	06/7/2012	04/9/2012

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
Tổng số	20.887.944.000	21.420.000.000	-532.056.000
Vốn ngân sách	20.887.944.000	21.420.000.000	-532.056.000

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số	22.288.620.000	20.887.944.000
- Chi phí xây dựng	18.381.643.114	17.331.662.000
- Chi phí thiết bị	1.897.513.629	1.744.370.000
- Chi phí quản lý dự án	433.744.800	433.744.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.360.612.181	1.212.150.000
- Chi phí khác	169.898.232	166.018.000
- Chi phí dự phòng	45.208.044	0

Tổng số chi phí đầu tư được quyết toán (bằng chữ): Hai mươi tỷ, tám trăm tám mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng.

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Thuộc Chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số	20.887.944.000			
- Tài sản cố định	20.887.944.000			
- Tài sản lưu động				

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	20.887.944.000	
Vốn ngân sách	20.887.944.000	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 01/6/2015 (ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán) là:

* Tổng nợ phải trả : 682.233.000 đồng.
* Tổng nợ phải thu : 1.214.289.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết đính kèm).

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư, nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng và chất lượng công trình.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: Đồng.

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định	Tài sản lưu động
Huyện ủy Tuy Đức	20.887.944.000	0

3. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan:

a) Đơn vị tư vấn quản lý dự án, giám sát và nhà thầu thi công: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình, về khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán.

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, kết quả đấu thầu và người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư, dự toán, tổng dự toán: Chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

c) Nhà thầu kiểm toán độc lập, kiểm toán viên chịu trách nhiệm về nội dung và tính đúng đắn của số liệu trong Báo cáo kết quả kiểm toán dự án hoàn thành trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

4. Sở Tài chính chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Bí thư Huyện ủy Tuy Đức; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông;

Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH (Va).

06

CHỦ TỊCH



Nguyễn Bốn

Phụ lục

CHI TIẾT TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

Công trình: Trụ sở làm việc Huyện ủy Tuy Đức

(Kèm theo Quyết định số 426 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ	
				Nợ phải trả	Nợ phải thu
	Tổng số	20.887.944.000	21.420.000.000	682.233.000	1.214.289.000
I	Chi phí xây dựng	17.331.662.000	18.181.176.000	194.676.000	1.044.190.000
1	Gói thầu số 01: Xây dựng nhà làm việc	10.239.954.000	10.260.463.000		20.509.000
2	Gói thầu số 02: Xây dựng Nhà bảo vệ, hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ	5.372.759.000	6.396.440.000		1.023.681.000
3	Gói thầu số 9: Chống mối	391.777.000	372.188.000	19.589.000	
4	Gói thầu số 10: Giếng khoan	343.077.000	325.923.000	17.154.000	
5	Hạng mục: Nhà ăn - cải tạo tầng hầm	984.095.000	826.162.000	157.933.000	
II	Chi phí thiết bị	1.744.370.000	1.895.000.000		150.630.000
III	Chi phí quản lý dự án	433.744.000	283.243.000	150.501.000	
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.212.150.000	1.031.639.000	199.980.000	19.469.000
1	Chi phí khảo sát địa chất	60.000.000	60.000.000		
2	Chi phí khảo sát địa hình	4.806.000	4.806.000		
3	Chi phí lập dự án đầu tư	58.844.000	58.844.000		
4	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán, Công trình: Trụ sở làm việc Huyện ủy Tuy Đức	412.972.000	383.362.000	29.610.000	
5	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán, Hạng mục: Giếng khoan và phòng chống mối				
6	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công và lập dự toán, Hạng mục: Nhà ăn - cải tạo tầng hầm	28.592.000	28.592.000		
7	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán, Hạng mục: Nhà ăn - cải tạo tầng hầm	4.400.000	4.400.000		
8	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp gói thầu xây dựng và thiết bị	43.141.000	59.288.000		16.147.000

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ	
				Nợ phải trả	Nợ phải thu
9	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp, Hạng mục: Nhà ăn - cải tạo tầng hầm		3.322.000		3.322.000
10	Chi phí giám sát thi công xây dựng và thiết bị	430.484.000	353.114.000	77.370.000	
11	Chi phí giám sát thi công xây dựng, Hạng mục: Nhà ăn - cải tạo tầng hầm	25.911.000	25.911.000		
12	Chi phí kiểm tra và chứng nhận CLCT	143.000.000	50.000.000	93.000.000	
V	Chi phí khác	166.018.000	28.942.000	137.076.000	
1	Lệ phí thẩm định dự án	2.480.000		2.480.000	
2	Lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu, gói 01	877.000		877.000	
3	Chi phí bảo hiểm xây dựng	42.470.000		42.470.000	
4	Chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán	93.612.000	28.942.000	64.670.000	
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	26.579.000		26.579.000	